

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

PHẠM THỊ ĐÀO

**TỒN ĐỘNG ÁN DÂN SỰ TRONG THI HÀNH ÁN Ở  
VIỆT NAM HIỆN NAY - CÁC GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC**

*Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật*  
*Mã số: 60 38 01 01*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN MINH TUẤN**

**HÀ NỘI - 2016**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.*

*Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

NGƯỜI CAM ĐOAN

**Phạm Thị Đào**

# MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục bảng

**MỞ ĐẦU** 1

**Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU LỰC CỦA THADS VÀ ĐIỀU KIỆN KHẮC PHỤC, HẠN CHẾ TÌNH TRẠNG ÁN TÒN ĐỌNG** 8

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU LỰC CỦA THADS 8

1.1.1. Khái niệm về THADS 8

1.1.2. Án dân sự tồn đọng và nguyên nhân án dân sự tồn đọng 10

1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả THADS 12

1.2. ĐIỀU KIỆN KHẮC PHỤC, HẠN CHẾ TÌNH TRẠNG TỒN ĐỌNG ÁN DÂN SỰ 16

1.2.1. Hành lang pháp lý cơ bản bảo đảm cho công tác THADS hiệu quả hơn 16

1.2.2. Hệ thống tổ chức THADS được thành lập tương đối phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và tính chất đặc thù của hoạt động THADS 17

1.2.3. Mối quan hệ phối hợp trong công tác THADS 18

1.2.4. Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về THADS của cá nhân, tổ chức được nâng lên 18

1.3. HỆ THỐNG CÁC NHÓM NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN GÂY NÊN TỒN ĐỌNG ÁN DÂN SỰ 18

Kết luận Chương 1 20

**Chương 2: QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ THADS VÀ PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ÁN DÂN SỰ TỒN ĐỌNG TRONG THI HÀNH ÁN**

**Error! Bookmark not defined.**

- 2.1. QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH **Error! Bookmark not defined.**
- 2.1.1. Những quy định cụ thể trong Luật THADS năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành **Error! Bookmark not defined.**
- 2.1.2. Về những điểm mới liên quan đến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS năm 2014 **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2. QUY ĐỊNH TRONG CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.1. Quy định đã được ghi nhận tại Luật THADS nhưng không quy định chi tiết tại các văn bản pháp luật chuyên ngành dẫn đến những khó khăn cho việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan THA **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.2. Quy định pháp luật chuyên ngành tồn tại nội dung mâu thuẫn với Luật THADS **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.3. Văn bản do địa phương ban hành chưa đồng bộ, thống nhất với pháp luật về THADS **Error! Bookmark not defined.**
- 2.2.4. Quy định của pháp luật THADS còn tồn tại nội dung chưa phù hợp với quy định chung của pháp luật **Error! Bookmark not defined.**
- 2.3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI **Error! Bookmark not defined.**

Kết luận Chương 2 **Error! Bookmark not defined.**

### **Chương 3: CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN DẪN ĐẾN TÌNH TRẠNG ÁN DÂN SỰ TỒN ĐONG** **Error! Bookmark not defined.**

- 3.1. VỀ BỘ MÁY, TỔ CHỨC THADS **Error! Bookmark not defined.**
- 3.1.1. Trên thế giới **Error! Bookmark not defined.**
- 3.1.2. Bộ máy tổ chức THADS theo quy định của pháp luật Việt Nam **Error! Bookmark not defined.**
- 3.2. BIÊN CHẾ LÀM CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **Error! Bookmark not defined.**

- 3.2.1. Tổng số biên chế trong toàn hệ thống **Error! Bookmark not defined.**
- 3.2.2. Những tồn tại, hạn chế trong cơ cấu tổ chức, bộ máy, biên chế có ảnh hưởng đến số lượng án dân sự tồn đọng **Error! Bookmark not defined.**
- 3.3. TÀI CHÍNH, CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **Error! Bookmark not defined.**
- 3.3.1. Kinh phí, cơ sở vật chất **Error! Bookmark not defined.**
- 3.3.2. Tồn tại, hạn chế về kinh phí và cơ sở vật chất **Error! Bookmark not defined.**
- 3.4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI **Error! Bookmark not defined.**
- 3.4.1. Về công tác cán bộ **Error! Bookmark not defined.**
- 3.4.2. Về kinh phí, cơ sở vật chất **Error! Bookmark not defined.**
- Kết luận Chương 3 **Error! Bookmark not defined.**
- Chương 4: BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN VỚI HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** **Error! Bookmark not defined.**
- 4.1. THỰC TRẠNG VỀ BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN **Error! Bookmark not defined.**
- 4.1.1. Thực trạng án dân sự tồn đọng và chất lượng của các bản án **Error! Bookmark not defined.**
- 4.1.2. Một số dạng bản án Tòa đã tuyên khó thi hành **Error! Bookmark not defined.**
- 4.1.3. Nguyên nhân của tình trạng án tuyên không rõ khó thi hành **Error! Bookmark not defined.**
- 4.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BẢN ÁN, KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG ÁN TUYÊN KHÔNG RÕ, CÓ SAI SÓT, KHÓ THI HÀNH **Error! Bookmark not defined.**
- Kết luận Chương 4 **Error! Bookmark not defined.**

## **Chương 5: Ý THỨC TUÂN THỦ, THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỦA NGƯỜI DÂN** Error!

### **Bookmark not defined.**

- 5.1. THỰC TRẠNG Ý THỨC TUÂN THỦ, THỰC HIỆN PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN VÀ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ THADS Error! **Bookmark not defined.**
  - 5.1.1. Thực trạng ý thức tuân thủ, thực hiện pháp luật của người dân Error! **Bookmark not defined.**
  - 5.1.2. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật về THADS Error! **Bookmark not defined.**
- 5.2. Ý THỨC PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN TRONG THADS Error! **Bookmark not defined.**
  - 5.2.1. Ý thức về tự nguyện THA..... Error! **Bookmark not defined.**
  - 5.2.2. Đương sự chưa nhận thức đầy đủ về các quyền được pháp luật quy định..... Error! **Bookmark not defined.**
- 5.3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI Error! **Bookmark not defined.**
  - 5.3.1. Giải pháp nâng cao nhận thức pháp luật của người dân thông qua phổ biến giáo dục pháp luật Error! **Bookmark not defined.**
  - 5.3.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật về THADS có liên quan đến quyền, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức đương sự trong THADS Error! **Bookmark not defined.**

Kết luận Chương 5 Error! **Bookmark not defined.**

## **Chương 6: HIỆU QUẢ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN, BAN NGÀNH TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** Error! **Bookmark not defined.**

- 6.1. SỰ PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN BAN NGÀNH CÓ LIÊN QUAN ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Error! **Bookmark not defined.**
  - 6.1.1. Phối hợp trong việc giao nhận vật chứng trong THA Error! **Bookmark not defined.**
  - 6.1.2. Phối hợp trong việc tổ chức kiểm sát đối với hoạt động THADS Error! **Bookmark not defined.**

- 6.1.3. Việc phối hợp trong hoạt động THADS đối với người đang  
THA phạt tù **Error! Bookmark not defined.**
- 6.1.4. Về vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc chỉ  
đạo các cơ quan có liên quan trên địa bàn phối hợp tổ chức THADS  
**Error! Bookmark not defined.**
- 6.1.5. Về Ban Chỉ đạo THADS **Error! Bookmark not defined.**
- 6.1.6. Sự phối hợp của các cơ quan khác có liên quan **Error!  
Bookmark not defined.**
- 6.2. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI **Error!  
Bookmark not defined.**
- 6.2.1. Xây dựng và hoàn thiện thể chế về quan hệ phối hợp **Error!  
Bookmark not defined.**
- 6.2.2. Ràng buộc trách nhiệm phối hợp của các cá nhân, cơ quan có  
liên quan trong Luật **Error! Bookmark not defined.**
- 6.2.3. Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong THADS  
**Error! Bookmark not defined.**
- 6.2.4. Phối hợp với trại giam, trại tạm giam **Error! Bookmark not defined.**
- 6.2.5. Phối hợp với các cơ quan có liên quan và cấp ủy, chính quyền địa phương  
**Error! Bookmark not defined.**
- Kết luận Chương 6 **Error! Bookmark not defined.**
- KẾT LUẬN Error! Bookmark not defined.**
- CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ Error! Bookmark not  
defined.**

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 20**

### **DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

CHV:	Chấp hành viên
CQTHADS:	Cơ quan thi hành án dân sự
TAND:	Tòa án nhân dân
THA:	Thi hành án
THADS:	Thi hành án dân sự

VKSND:

Viện kiểm sát nhân dân



## DANH MỤC BẢNG

<b>Số hiệu</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
Bảng 4.1.	Số liệu về án dân sự còn tồn đọng qua từng năm trong giai đoạn 2010-2015	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

## MỞ ĐẦU

### **1. Sự cần thiết nghiên cứu tồn đọng án dân sự trong thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay**

Thi hành án dân sự (THADS) là hoạt động quan trọng nhằm đưa bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay của Tòa án, quyết định của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh ra thi hành trong thực tế, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân và ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Trong quá trình tổ chức thi hành án (THA), cơ quan thi hành án dân sự (CQTHADS), Chấp hành viên (CHV) trực tiếp tác động đến người được THA, người phải THA và những người có liên quan để giáo dục, thuyết phục họ tự nguyện thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo nội dung bản án, quyết định. Trường hợp người phải THA không tự nguyện thi hành hoặc cố tình chây ì, chống đối cản trở việc THA, CHV áp dụng biện pháp cưỡng chế để buộc họ thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó, khác với giai đoạn xét xử và giải quyết tranh chấp trước đó, quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự được xác định trong bản án, quyết định (trên giấy), thì hoạt động THA lại trực tiếp tác động đến các quyền nhân thân và tài sản - các quyền, lợi ích thiết thân của người phải THA, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người phải THA và gia đình họ. Vì vậy, trong THADS các đương sự thường phản ứng gay gắt, quyết liệt và tìm mọi cách để chống đối, cản trở việc THA, làm cho các quyền và nghĩa vụ trong bản án, quyết định chậm được thực hiện hoặc không thực hiện được.

Mặt khác, do đặc thù của hoạt động THADS, việc CHV, cơ quan THA tổ chức THA nhanh hay chậm, đều có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các bên đương sự, trong khi đó, các bên đương sự lại luôn tìm mọi cách tác động cả về tinh thần lẫn vật chất tới CHV - người trực tiếp tổ chức THA để đẩy

nhanh hoặc kéo dài quá trình THA. Do đó, hoạt động THA rất nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực trong đội ngũ công chức, CHV làm công tác THA. Những vấn đề này không được xử lý kịp thời sẽ làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan THA nói riêng và cơ quan nhà nước nói chung, làm ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật, không phù hợp với các tiêu chí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Để tăng cường hiệu quả của hoạt động THADS, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta đã từng bước tiến hành cải cách về mặt tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, trong đó có CQTHADS. Nhằm đưa chủ trương của Đảng tại Đại hội IX về cải cách tư pháp vào cuộc sống, trong những năm vừa qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều Nghị quyết và các Luật liên quan đến cải cách tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp nói chung và CQTHADS nói riêng như: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg ngày 11/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác THADS, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Pháp lệnh THADS sửa đổi năm 2004, Luật THADS năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan đến THADS... Những văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới về tổ chức và hoạt động của CQTHADS. Trên cơ sở đó, nhiều bản án, quyết định có hiệu lực của Toà án án đã được các CQTHADS kịp thời đưa ra thi hành theo quy định của pháp luật đạt kết quả tương đối cao, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự xã hội, giữ gìn kỷ cương phép nước và thực hiện dân chủ, công bằng xã hội.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác THADS vẫn còn những bất cập chưa được giải quyết kịp thời như: Hệ thống văn bản pháp luật nói

chung và các văn bản pháp luật THADS nói riêng vẫn còn nhiều khoảng trống, chưa điều chỉnh hết các quan hệ phức tạp nảy sinh trong thực tiễn THADS; mô hình tổ chức bộ máy các CQTHADS chưa thực sự khoa học; phối hợp trong THADS chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp; tình trạng vi phạm pháp luật, tiêu cực, sách nhiễu trong tổ chức THADS vẫn diễn ra, nhất là tình trạng nhiều bản án, quyết định về dân sự đã có hiệu lực pháp luật, nhưng không được tổ chức thi hành dứt điểm, bị tồn đọng qua nhiều năm và số lượng vụ việc tồn đọng tăng dần theo từng năm, điều đó đã làm giảm sút lòng tin của quần chúng nhân dân đối với các CQTHADS nói riêng và làm suy giảm hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước ta nói chung.

Tình trạng tồn đọng án dân sự trở thành một vấn đề “nhức nhối” hiện nay, cần có sự tìm hiểu đầy đủ, đánh giá, luận giải toàn diện trên nhiều phương diện. Tác giả luận văn cho rằng muốn giải quyết tình trạng “án tồn đọng”, nâng cao hiệu quả THADS, cần phải nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân vì sao có tình trạng án tồn đọng. Trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp thiết thực, khả thi để tháo gỡ tình trạng này. Xuất phát từ những lý do nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài: ***"Tồn đọng án dân sự trong THADS ở Việt Nam hiện nay - Các giải pháp khắc phục"*** làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Qua nghiên cứu và tìm hiểu về vấn đề THADS, nhận thấy vấn đề này đã được một số cơ quan, nhà luật học, nhà khoa học ở trong nước quan tâm, dành thời gian nghiên cứu, ví dụ: tác giả Nguyễn Quang Thái có công trình: ***"Đổi mới tổ chức và hoạt động THADS ở Việt Nam"***, (Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2003); Tác giả Nguyễn Công Long có công trình: ***"Các biện pháp cưỡng chế THADS"***, (Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội); tác giả Lê Anh Tuấn có công trình: ***"Đổi mới thủ tục THADS Việt Nam"***, (Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại

học Luật Hà Nội, 2004); tác giả Nguyễn Đức Nghĩa có công trình: *"Cơ sở lý luận và thực tiễn khắc phục án tồn đọng trong THADS ở Việt Nam hiện nay"*, (Luận văn thạc sỹ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2005); Tác giả Đặng Đình Quyền có công trình *"Hiệu quả áp dụng pháp luật trong THADS ở Việt Nam"* (Luận án tiến sỹ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, 2012; tác giả Nguyễn Thanh Huy, *"quan niệm thế nào về việc THADS tồn đọng"*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số chuyên đề, 2012; Tác giả Huỳnh Minh Khánh, *"Trao đổi về một số vướng mắc trong công tác THADS"*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 1 - 2013; tác giả Lê Quỳnh Nga có công trình: *"THADS - qua thực tiễn tại tỉnh Bắc Ninh"*, *Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học quốc gia Hà Nội, 2014"*; tác giả Hoàng Thế Anh có công trình *"Giám sát THADS ở Việt Nam hiện nay"* (Luận án tiến sỹ Luật học, Đại học quốc gia Hà Nội, 2015"). Bên cạnh đó là Giáo trình môn Luật tố tụng dân sự của trường Đại học luật Hà Nội và các trường Đại học có chuyên ngành luật; một số bài viết đăng trên các tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Tạp chí Luật học, Tạp chí Nhà nước và pháp luật.

Kết quả nghiên cứu: Các công trình nêu trên đã có nội dung nghiên cứu về THADS ở những góc độ, khía cạnh và mức độ khác nhau. Ở một số công trình cũng đã đề cập đến vấn đề thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả THADS *nhưng trong những năm gần đây, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về án dân sự tồn đọng ở Việt Nam từ góc độ nghiên cứu, tiếp cận của chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.*

Tiếp thu có chọn lọc các công trình nghiên cứu, các bài viết đồng thời, bằng kinh nghiệm thực tiễn và hiểu biết của mình, tác giả trình bày trong luận văn về cơ sở lý luận của án tồn đọng, làm rõ thêm những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tổ chức THADS là nguyên nhân dẫn đến tình trạng án dân sự tồn đọng như hiện nay.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn**

- *Mục đích*: Thông qua các hoạt động nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng của việc THADS tồn đọng để tìm ra những hạn chế, bất cập, nguyên nhân dẫn đến số lượng án tồn đọng có xu hướng ngày càng tăng, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, giúp giải quyết án dân sự tồn đọng có hiệu quả.

- *Nhiệm vụ*: Luận văn xác định các nhiệm vụ cần thực hiện là trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu, đó là:

+ Nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng tồn đọng án dân sự nhiều như hiện nay ở Việt Nam? Các giải pháp đưa ra để khắc phục tình trạng này là gì?

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu này, tác giả cho rằng cần đi trúng vấn đề, cần tìm hiểu, đưa ra các luận chứng khoa học làm sáng tỏ các luận điểm khoa học, tương ứng với các nguyên nhân của thực trạng án tồn đọng như sau:

+ Luận điểm 1: Tồn đọng án dân sự nhiều một phần xuất phát từ nguyên nhân pháp luật về THADS còn nhiều bất cập, vướng mắc.

+ Luận điểm 2: Tồn đọng án dân sự nhiều còn do các nguồn lực bảo đảm cơ bản cho công tác THADS chưa tương xứng.

+ Luận điểm 3: Tồn đọng án dân sự nhiều xuất phát từ bản án chưa thực sự khách quan, công bằng và xa rời thực tế của Tòa án.

+ Luận điểm 4: Tồn đọng án dân sự nhiều còn do ý thức chấp hành pháp luật của người dân chưa cao.

+ Luận điểm 5: Tồn đọng án dân sự nhiều do thiếu sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành chức năng.

Tương ứng với từng luận điểm kể trên, tác giả dự kiến sẽ lồng ghép làm rõ ở các Chương của luận văn cả phương diện: cơ sở lý luận của vấn đề, thực trạng và đưa ra các giải pháp liên quan ở từng chương của Luận văn.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

- *Đối tượng nghiên cứu*: Án dân sự tồn đọng tại Việt Nam.

- *Phạm vi nghiên cứu*: Tác giả không đi sâu vào các vụ việc dân sự cụ

thể, mà chỉ nghiên cứu dưới góc độ lý luận pháp luật về “án dân sự tồn đọng”, chỉ ra các nguyên nhân thực trạng tồn đọng án dân sự và đưa ra một số giải pháp khắc phục. Do hạn chế về mặt thời gian, điều kiện nghiên cứu, tác giả luận văn cũng chỉ tập trung nghiên cứu, phân tích dựa trên số liệu án dân sự tồn đọng ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010 - 2015.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn**

- *Phương pháp luận*: Luận văn được thực hiện trên cơ sở áp dụng các phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước Việt Nam về pháp luật và xây dựng pháp luật, cũng như các phương pháp, các cách tiếp cận về pháp luật khách quan, khoa học khác.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phân tích, tổng hợp, thống kê và so sánh để làm sáng tỏ những vấn đề đặt ra trong nhiệm vụ của Luận văn.

Chẳng hạn, để có cái nhìn toàn diện về thực trạng tồn đọng án dân sự ở Việt Nam, tác giả sử dụng đồng thời các phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp các số liệu. Hoặc để có thể đưa ra các luận giải thuyết phục, tác giả cũng so sánh các mô hình THADS ở một số nước trên thế giới với Việt nam để tìm ra những tương đồng, khác biệt từ đó đưa ra những kiến giải góp phần khắc phục tồn đọng án dân sự ở Việt Nam v.v...

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Luận văn sẽ nghiên cứu toàn diện lý luận về giải quyết án dân sự tồn đọng, thực tiễn giải quyết án dân sự tồn đọng ở Việt Nam trong thời gian gần đây (giai đoạn 2010 - 2015), qua đó Luận văn đã phân tích và chỉ ra những hạn chế về thể chế, thực tiễn THA tồn đọng, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật, giúp giải quyết án tồn đọng có hiệu quả. Góp phần duy trì kết quả THA bền vững, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người

dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước đối với hoạt động THADS nói chung và giải quyết tồn đọng án dân sự nói riêng.

Kết quả nghiên cứu của Luận văn sẽ góp phần bổ sung và phát triển những vấn đề mang tính lý luận trong giải quyết tồn đọng án dân sự tại Việt Nam - một trong những vấn đề đang được Nhà nước, xã hội và nhân dân hết sức quan tâm. Luận văn là tài liệu có giá trị tham khảo cho công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy và là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tổ chức thi hành pháp luật nói chung, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân và duy trì trật tự, ổn định kinh tế - xã hội.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Trên cơ sở xác định câu hỏi nghiên cứu là: “Nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng tồn đọng án dân sự nhiều như hiện nay ở Việt Nam? Các giải pháp đưa ra để khắc phục tình trạng này là gì?” và các luận điểm khoa học tương ứng đã nêu ở mục 3, khác với cách bố cục 3 chương truyền thống, ngoài phần mở đầu, phần kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung chính của Luận văn bao gồm 6 chương tương ứng với từng luận điểm. Mỗi luận điểm là một nguyên nhân quan trọng kèm theo đó là các vấn đề lý luận, đánh giá thực trạng và đồng thời là các giải pháp, trên cơ sở bám sát tên gọi của đề tài *"Tồn đọng án dân sự trong THADS ở Việt Nam hiện nay - Các giải pháp khắc phục"*.

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận cơ bản về những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu lực tổ chức THADS và điều kiện khắc phục, hạn chế án dân sự tồn đọng

*Chương 2:* Quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến tồn đọng án dân sự.

*Chương 3:* Các yếu tố cơ bản dẫn đến tình trạng tồn đọng án dân sự.

*Chương 4:* Bản án của Tòa án với hiệu quả tổ chức THADS

*Chương 5:* Ý thức tuân thủ, thực hiện pháp luật về THADS của người dân.

*Chương 6:* Hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong THADS.



## *Chương 1*

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU LỰC CỦA THADS VÀ ĐIỀU KIỆN KHẮC PHỤC, HẠN CHẾ TÌNH TRẠNG ÁN TỒN ĐỘNG**

## **1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU LỰC CỦA THADS**

### **1.1.1. Khái niệm về THADS**

THADS là hoạt động quan trọng nhằm đưa bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay của Toà án, quyết định của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh ra thi hành trong thực tế, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân và ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền thì công tác THADS càng trở nên quan trọng, đảm bảo nguyên tắc thượng tôn pháp luật và thúc đẩy hiệu lực của nền tư pháp, đảm bảo niềm tin, sự tôn trọng của công dân đối với Nhà nước.

Bàn về khái niệm THA nói chung, THADS nói riêng, hiện còn có những ý kiến khác nhau nhưng tập trung cơ bản ở hai quan niệm: (1) Coi THA là giai đoạn của tố tụng, bởi lẽ có xét xử thì phải có THA, công tác THA dựa trên cơ sở của công tác xét xử. Xét xử và THA là hai mặt thống nhất của quá trình bảo vệ lợi ích của đương sự; (2) Coi THA là dạng hoạt động hành chính - tư pháp, bởi lẽ cho rằng: THA là dạng hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Theo quan niệm này thì tố tụng là quá trình tiến hành giải quyết các vụ án theo quy định của pháp luật; quá trình này trải qua nhiều giai đoạn nhưng các giai đoạn có liên quan mật thiết với nhau trong thể thống nhất và xét xử là giai đoạn cuối cùng của quá trình tố tụng cho nên bản án, quyết định của toà án là kết quả cuối cùng đánh dấu sự kết thúc của quá

trình tố tụng [58].

Trên thực tế, THA nói chung và THADS nói riêng là quá trình diễn ra sau quá trình xét xử của toà án. Bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật là cơ sở để tiến hành các hoạt động THA. Vì vậy, có thể nói không có kết quả của hoạt động xét xử thì cũng không có hoạt động THA. Tuy nhiên, THA lại không phải là giai đoạn tố tụng (cuối cùng); bản án và quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật không phải là cơ sở duy nhất để tiến hành các hoạt động THA; THA đòi hỏi những nguyên tắc, thủ tục và cách thức hoạt động riêng. Để có thể tiến hành các hoạt động THA thì phải có quyết định THA, phải có kế hoạch, tổ chức, đơn đốc, kiểm tra, xử lý và phải dựa trên những quy định cụ thể về THA [58].

Trong THADS thì Quyết định THA gắn liền với tổ chức THA, việc ra quyết định thi hành án được quy định cụ thể đối với từng trường hợp tại Điều 5 của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật THADS.

Mặt khác, theo Quyết định số 02/2006/QĐ - BTP ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về của Chế độ thống kê THADS, giải thích từ ngữ tại Phụ lục 2, Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê THADS thì đơn vị tính trong thống kê THADS bằng việc và giá trị, trong đó việc THADS được tính trên cơ sở quyết định THADS. *Mỗi quyết định THADS được tính là một việc* [8].

Do đó, một bản án, quyết định, căn cứ vào tình hình thực tế Thủ trưởng cơ quan THADS có thể ra một quyết định THADS hay nhiều quyết định THADS. Như vậy, trong THADS chỉ có khái niệm “việc THADS”, mỗi một quyết định THA là một việc THADS mà không có khái niệm “án THADS”.

*Vì vậy, có thể hiểu việc THADS là quyết định THADS của Thủ trưởng cơ quan THADS nhằm đưa bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực hoặc chưa có hiệu lực nhưng được thi hành ngay hoặc các quyết định khác theo quy định của*

*pháp luật ra thi hành trên thực tế.*

### **1.1.2. Án dân sự tồn đọng và nguyên nhân án dân sự tồn đọng**

#### **\* Khái niệm**

*- Khái niệm án dân sự tồn đọng*

Mặc dù khái niệm án tồn đọng cũng được sử dụng nhiều trong các báo cáo, thống kê của ngành Tòa án và trong các tài liệu của Hệ thống THADS cũng sử dụng thuật ngữ này một cách khá phổ biến, nhưng cho đến nay, chưa có khái niệm chính thức về “án dân sự tồn đọng”. Pháp lệnh THADS trước đây, Luật THADS 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS năm 2014 đều chưa quy định cụ thể thời hạn bắt buộc cơ quan THADS phải tổ chức thi hành xong một quyết định THA. Do đó, về nguyên tắc cơ sở pháp lý để xác định tồn đọng án dân sự (sau đây gọi là án tồn đọng) gặp nhiều khó khăn.

Theo từ điển Tiếng Việt, thì tồn đọng là sự kéo dài, chưa thể thực hiện được, chưa được xử lý, giải quyết trong một thời hạn cụ thể nào đó một công việc. Do đó, việc THADS tồn đọng hiểu một cách đơn giản là những việc THADS (những quyết định THA) chưa được thực hiện trong một thời gian nhất định theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng, "*án dân sự tồn đọng*" là gồm cả những quyết định thi hành phần dân sự trong bản án hình sự, cách hiểu này không đúng, vì đó là "*án hình sự*"... Do đó, "*án dân sự tồn đọng*" cần được hiểu là "*việc thi hành án dân sự tồn đọng*"

Qua hoạt động thực tiễn và quy định của Chế độ thống kê THADS, thì hoạt động THADS được xác định theo từng kỳ báo cáo: Kỳ báo cáo thống kê THADS được tính theo ngày dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/10 của năm trước và kết thúc vào ngày cuối cùng của các tháng tương ứng với kỳ thống kê đó. Năm báo cáo thống kê THADS kết thúc vào ngày 30/9 năm sau. Kỳ báo cáo thống kê THADS bao gồm 12 kỳ, tương ứng với từng tháng. Kết thúc mỗi kỳ, thì cơ quan THADS

tiến hành rà soát, khoá sổ và thống kê kết quả THA theo từng kỳ. Từ những phân tích nêu trên, theo tác giả luận văn, án dân sự tồn đọng có thể được hiểu theo nghĩa sau đây:

*Án dân sự tồn đọng gồm tất cả các việc thi hành án (quyết định THA) chưa thi hành xong tại các kỳ báo cáo, chưa được xoá sổ thụ lý phải chuyển sang kỳ sau để thi hành tiếp.*

*- Các loại việc được coi là tồn đọng (chuyển kỳ sau).*

Theo quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/1/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê THADS, Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2013, thì việc THADS được chuyển sang kỳ sau bao gồm:

+ Việc tạm đình chỉ THADS: Là những việc THA đang tổ chức thi hành, nhưng người có thẩm quyền kháng nghị tạm đình chỉ THA và những việc Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định tạm đình chỉ THA khi có quyết định thụ lý đơn yêu cầu phá sản doanh nghiệp.

+ Việc hoãn THADS: Là những việc THADS được Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định hoãn thi hành theo yêu cầu của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định hoặc khi xuất hiện các căn cứ theo quy định tại Điều 48 Luật THADS.

+ Việc THADS dở dang: Là những việc cơ quan THADS qua xác minh đã xác định được người phải THA có điều kiện THA (có tài sản để thực hiện nghĩa vụ về tài sản hoặc có khả năng để thực hiện các nghĩa vụ về hành vi), nhưng chưa tổ chức thi hành xong tại thời điểm báo cáo.

+ Việc chưa thi hành được: Là những việc cơ quan THADS mới ra quyết định THA ngay tại thời điểm khoá sổ để xây dựng báo cáo thống kê THADS, nhưng chưa xác định được đương sự có hay không có điều kiện THA.

+ Số chưa có điều kiện thi hành: Là những việc mà người phải THA không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải THA, người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng và không có tài sản để THA hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế THA hoặc tài sản theo quy định của pháp luật không được kê biên, xử lý để THA; Người phải THA phải thi hành nghĩa vụ về trả vật đặc định nhưng vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không thể sử dụng được; phải trả giấy tờ nhưng giấy tờ không thể thu hồi và cũng không thể cấp lại được mà đương sự không có thỏa thuận khác; Chưa xác định được địa chỉ, nơi cư trú của người phải THA, người chưa thành niên được giao cho người khác nuôi dưỡng.

+ Lý do khác: Là những việc THA mà cơ quan THADS chưa tổ chức thi hành xong tại thời điểm khoá sổ xây dựng báo cáo thống kê, bao gồm: bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành, vụ việc chưa có sự thống nhất ý kiến giữa các cơ quan hữu quan về đường lối giải quyết, tài sản kê biên, phải giao theo bản án quyết định nhưng chưa xử lý được và tạm ngưng THADS để giải quyết khiếu nại, tố cáo.

### **1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả THADS**

#### **\* *Yếu tố chủ quan:***

(1) Xuất phát từ cơ quan THADS:

- Năng lực, trình độ của một bộ phận CHV, cán bộ, công chức làm công tác THADS còn hạn chế, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thi hành bản án, quyết định có hiệu lực được phân công thi hành;

- Công tác rà soát, phân loại án, báo cáo thống kê THADS, lập kế hoạch tổ chức và giám sát việc tổ chức THA chưa được tiến hành thường xuyên, nhiều trường hợp còn thiếu chính xác khiến cho việc tổ chức đôn đốc THA chưa kịp thời;

- Một số cơ quan THA chưa thật sự chủ động, tích cực trong việc giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa

án nhằm thi hành dứt điểm bản án, quyết định và tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo phối hợp THADS nhằm phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong công tác THADS;

- Việc phân bổ nguồn lực về con người trong công tác THA chưa đáp ứng yêu cầu, có nơi bố trí chưa phù hợp.

(2) Xuất phát từ cá nhân và cơ quan, tổ chức có liên quan đến THADS

- Ý thức chấp hành pháp luật của người phải THA chưa tốt, nhiều trường hợp người phải THA chây ì, chống đối, cản trở việc THA.

- Những bản án, quyết định Tòa án tuyên không rõ, có sai sót, không có tính khả thi, cơ quan THA đề nghị giải thích, đính chính, xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm nhưng chậm được đáp ứng dẫn tới bản án, quyết định bị chậm thi hành hoặc không thể thi hành được.

- Những vụ việc THA còn có ý kiến khác nhau giữa các ngành, chính quyền địa phương chưa kịp thời được giải quyết.

- Nhiều việc bên phải THA là các cơ quan Nhà nước không tự nguyện thi hành trong khi chưa có cơ chế hữu hiệu buộc các đơn vị này phải thi hành.

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật THADS còn chậm, nhiều quy định của Luật THADS và các Luật khác liên quan không còn phù hợp thực tiễn, chưa được nghiên cứu, sửa đổi hoặc bổ sung kịp thời làm cản trở việc tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án dẫn tới việc gia tăng án tồn đọng.

**\* *Yếu tố khách quan:***

(1) Một số quy định của pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn gây khó khăn trong công tác THA:

- Thời điểm phát sinh hiệu lực các văn bản giao dịch của Luật Đất đai và Luật Nhà ở khác nhau dẫn đến việc kê biên, xử lý tài sản gắn liền trên đất gặp nhiều phức tạp, không thể giải quyết dứt điểm được dẫn đến khiếu nại kéo dài, hậu quả là án tồn đọng.

- Bất cập giữa Luật THADS và Luật phá sản về quy định cưỡng chế để thi hành các quyết định về phá sản. Theo Nghị định số 67/2006/NĐ-CP ngày 11/7/2006 của Chính phủ hướng dẫn việc áp dụng Luật Phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt và tổ chức, hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản, theo đó, Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản chỉ có quyền đề nghị Thẩm phán ra các quyết định tuyên bố giao dịch mà doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện vô hiệu; doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản phải thực hiện hoặc không thực hiện những hành vi nhằm bảo toàn tài sản; thu hồi tài sản hay phần chênh lệch giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản. Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản chỉ được phép quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế THA theo quy định pháp luật về THADS, nhưng Luật THADS không cho phép CHV ra các quyết định về THA. Do đó, CHV làm Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản không thể tự mình thực hiện công vụ ngoài phạm vi pháp luật cho phép).

- Luật THADS quy định về nghĩa vụ chứng minh điều kiện THA của người được THA. Đây là quy định gây khó khăn cho người được THA trong việc tự mình tiến hành xác minh điều kiện THA của người phải THA. Bởi lẽ: Việc xác minh điều kiện THA phải có xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố (hoặc Trưởng thôn), UBND cấp xã hoặc cá nhân, tổ chức nắm giữ những thông tin về tài sản của người phải THA. Nếu thiếu một trong các thành viên có trách nhiệm này xác nhận thì biên bản xác minh điều kiện THA không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, trên thực tế, Tổ trưởng tổ dân phố, hoặc cá nhân, tổ chức tuy nắm rõ điều kiện của người phải THA, nhưng hầu hết họ sợ trách nhiệm và ngại va chạm nên không giám cung cấp. Mặt khác, do tính chất giữ bí mật thông tin của một số ngành, nghề nên các cơ quan này không cung cấp cho một cá nhân về tài sản của đối tượng mà họ đang quản lý, theo dõi. Trong khi đó, hiện nay Nhà nước chưa có cơ chế buộc các tổ chức, cá nhân nắm giữ thông tin về tài sản của người phải THA có nghĩa vụ cung

cấp khi có yêu cầu, nên việc người được hành án gặp không ít khó khăn khi tự mình tiến hành việc xác minh điều kiện THA của người phải THA.

(2) Những bản án, quyết định của Tòa án mà đương sự là người nước ngoài, mà quốc gia nơi người đó mang quốc tịch chưa có hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam, khiến cho việc ủy thác tư pháp không thể thực hiện được, vì: Đương sự là người phải thi hành khoản nộp ngân sách nhà nước, chưa thi hành xong phần nghĩa vụ của mình, nhưng hiện tại đã trở về nước và không để lại tài sản gì ở Việt Nam, cơ quan THA đã thực hiện mọi biện pháp, nhưng việc THA không thể đạt được kết quả do không xác minh được địa chỉ, thu nhập của người phải THA; hoặc có xác minh được địa chỉ, nhưng cơ quan THA không thể tiến hành các thủ tục ủy thác tư pháp được do Việt Nam chưa có Hiệp định tương trợ tư pháp với nước người đó cư trú về vấn đề này. Trường hợp nếu thực hiện việc yêu cầu nước sở tại công nhận và cho thi hành bản án tại nước đó thì hiện nay chưa quy định cơ quan nào có trách nhiệm thực hiện việc này (vì đây là khoản thu cho ngân sách nhà nước). Ngoài ra, một số trường hợp khác như: Trường hợp người nước ngoài phạm tội, bị bắt, khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tuyên vô tội và họ đã hồi hương, nhưng tang vật vụ án mà họ được nhận lại vẫn đang bảo quản tại kho cơ quan Điều tra hoặc kho cơ quan THA chưa xử lý được vì nhiều lý do. Như vậy, những vụ việc này chắc chắn tồn đọng lâu dài tại cơ quan THA, nhưng không có hướng giải quyết.

(3) Luật THADS quy định về giảm giá tài sản đã kê biên (mỗi lần giảm giá không quá 10%) cho đến khi giá tài sản đã giảm thấp hơn chi phí cưỡng chế. Với quy định này thì thời gian xử lý vụ việc chắc chắn sẽ kéo dài (như tài sản kê biên ở những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa... có giá trị lớn nhưng khó bán); nhất là sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của những người có tài sản thuộc sở hữu chung, bởi: người phải THA có thể chỉ có vợ hoặc chồng có nghĩa vụ thực hiện việc THA.

**\* Những yếu tố mang tính đặc thù của hoạt động THA:** Để đảm bảo thi hành các nghĩa vụ về tài sản hoặc nghĩa vụ về hành vi thì điều kiện tiên quyết là người



đó phải có điều kiện THA. Do đó, nếu người đó không có điều kiện THA thì việc THA không thể tiến hành THA:

(1) Người phải THA không có tài sản, thu nhập hợp pháp để THA hoặc không xác định được nơi cư trú của đương sự, đặc biệt đối với trường hợp người phải THA đang chấp hành hình phạt tù, không có tài sản.

(2) Người phải THA có tài sản nhưng giá trị nhỏ, không đáng kể để THA.

(3) Người phải THA chỉ có tài sản để kê biên, phát mãi nhưng không bán được, mà người được THA không đồng ý nhận để trừ vào số tiền được THA và người phải THA không có tài sản nào khác.

(4) Người phải thi hành nghĩa vụ giao vật đặc định mà vật đó đã mất, hư hỏng mà hai bên không thỏa thuận được về phương thức thanh toán, cơ quan THA đã hướng dẫn các đương sự khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường nhưng chưa có quyết định giải quyết của Tòa án.

## **1.2. ĐIỀU KIỆN KHẮC PHỤC, HẠN CHẾ TÌNH TRẠNG TỒN ĐONG ÁN ÁN DÂN SỰ**

### **1.2.1. Hành lang pháp lý cơ bản bảo đảm cho công tác THADS hiệu quả hơn**

Thế chế cho công tác THADS không ngừng được hoàn thiện. Trải qua 03 Pháp lệnh THADS của các năm 1989, 1993 và năm 2004, đến năm 2008, theo yêu cầu trong giai đoạn mới, Luật THADS được Quốc hội thông qua và năm 2014 được sửa đổi, bổ sung. Với hình thức văn bản pháp luật chuyên ngành là Luật THADS, cùng hệ thống các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này đã được ban hành tương đối đầy đủ, từ Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư, Thông tư liên tịch và văn bản pháp quy trong nội bộ Ngành, cơ quan THADS (06 Nghị định, 18 Thông tư liên tịch và 25 Thông tư về THADS và hàng chục Quy chế phối hợp...). Các quy phạm pháp luật trong các văn bản pháp luật chuyên ngành về THADS nêu trên điều chỉnh cơ bản đầy đủ các lĩnh vực

của công tác THADS.

Hiện, các văn bản về THADS vẫn được tiếp tục rà soát, để tập trung xây dựng, sửa đổi, bổ sung, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, phù hợp với những văn bản mới được Quốc hội thông qua tại các kỳ họp gần đây, nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật về THADS, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân bảo vệ tốt hơn nữa quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong công tác THADS.

### **1.2.2. Hệ thống tổ chức THADS được thành lập tương đối phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và tính chất đặc thù của hoạt động THADS**

Căn cứ quy định của Luật THADS và Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09/9/2009 của Chính phủ, Hệ thống tổ chức THADS đã được tổ chức và quản lý tập trung, thống nhất theo chuyên ngành THADS, với mô hình: Tổng cục THADS trực thuộc Bộ Tư pháp, Cục THADS cấp tỉnh trực thuộc Tổng cục THADS, Chi cục THADS cấp huyện trực thuộc Cục THADS cấp tỉnh. Việc tổ chức hệ thống THADS theo ngành dọc đã tăng cường vị thế cơ quan THADS, tương xứng chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, chỉ đạo chuyên ngành, thống nhất từ trung ương đến cấp huyện, nhưng không xa rời sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương với công tác THADS. Đã đảm bảo cơ chế vận hành có hiệu quả, thông suốt, gắn chặt với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố, các quận ủy, huyện ủy và UBND các quận, huyện và sự phối hợp công tác có hiệu quả của các Sở, ban, ngành trên địa bàn, nhất là VKSND, TAND, cơ quan Công an và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các quận, huyện.

Cơ cấu, bộ máy của hệ thống tổ chức THADS từng bước được kiện toàn với việc thành lập các Vụ và tương đương thuộc Tổng cục THADS, các Phòng thuộc Cục THADS giúp cho Tổng cục trưởng, Cục trưởng quản lý, điều hành công việc chặt chẽ, chất lượng hơn [10, tr. 10]. Tổ chức bộ máy và đội ngũ công chức các cơ quan THADS đã được quan tâm kiện toàn và ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và

chất lượng; kỷ luật, kỷ cương hành chính được siết chặt và ngày càng đi vào nề nếp.

### **1.2.3. Mối quan hệ phối hợp trong công tác THADS**

Từ việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan, tổ chức trong THADS, các cơ quan, tổ chức đã chủ động hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình và thực hiện tương đối hiệu quả hơn mối quan hệ phối hợp trong THADS [10, tr.14]. Công tác phối hợp kết hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương, với cấp ủy, chính quyền địa phương được chú trọng hơn; nhiều Quy chế phối hợp liên ngành đã được ký kết (với Bộ Công an, TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam...) và triển khai nghiêm túc, có hiệu quả từ Trung ương đến địa phương, góp phần huy động được sự quan tâm, ủng hộ của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, góp phần tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện ngày càng thuận lợi để các cơ quan THADS thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

### **1.2.4. Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về THADS của cá nhân, tổ chức được nâng lên**

Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về THADS của cá nhân, tổ chức đã được nâng lên. Nhiều trường hợp người phải THA tự nguyện thi hành nghĩa vụ THADS của mình, nhất là trong các đợt đặc xá. Một số người được THA đã chủ động thực hiện việc xác minh điều kiện THA để bảo vệ quyền lợi của mình, hạn chế tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. v.v. [10, tr.11].

## **1.3. HỆ THỐNG CÁC NHÓM NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN GÂY NÊN TỒN ĐỌNG ÁN DÂN SỰ**

+ Nhóm 1: Tồn đọng án dân sự nhiều một phần xuất phát từ nguyên nhân pháp luật về THADS còn nhiều bất cập, vướng mắc.

+ Nhóm 2: Tồn đọng án dân sự nhiều còn do các nguồn lực bảo đảm cơ bản cho công tác THADS chưa tương xứng.

+ Nhóm 3: Tồn đọng án dân sự nhiều xuất phát từ bản án chưa thực sự khách quan, công bằng và xa rời thực tế của Tòa án.

+ Nhóm 4: Tồn đọng án dân sự nhiều còn do ý thức chấp hành pháp luật của người dân chưa cao.

+ Nhóm 5: Tồn đọng án dân sự nhiều do thiếu sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành chức năng.

## Kết luận Chương 1

Như vậy, từ những vấn đề lý luận liên quan đến THADS nói chung và án dân sự tồn đọng nói riêng, Chương I đã cho thấy vấn đề án dân sự tồn đọng vẫn còn có những quan niệm khác nhau, trong khi các văn bản về THADS cũng chưa có quy định nào liên quan đến việc xác định tiêu chí án tồn đọng (hiện đang sử dụng thuật ngữ “án chuyển kỳ sau”). Do vậy, trong Chương này, tác giả có làm rõ về khái niệm án dân sự tồn đọng, nêu ra các yếu tố, đồng thời xác định rõ nhóm nguyên nhân chính dẫn đến án dân sự tồn đọng. Có thể nói việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về THADS nói chung và tồn đọng án dân sự nói riêng cho ta thấy ý nghĩa về mặt lý luận cũng như thực tiễn, giúp chúng ta có cái nhìn tổng thể về THADS cũng như những tồn tại, hạn chế dẫn đến tình trạng án dân sự còn tồn đọng như hiện nay để có nghiên cứu, đề ra những giải pháp thiết thực, phù hợp nhằm thúc đẩy công tác THADS phát triển bền vững và giảm lượng án tồn đọng.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thế Anh (2015), *Giám sát THADS ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sỹ Luật học, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Hoài Bắc (2015), *Công tác THADS có chuyển biến tích cực*, <http://noichinh.vn>, (truy cập ngày 25/9/2015).
3. Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp (2013), *Báo cáo tổng kết 20 năm công tác THADS (1993-2012)*, Hà Nội.
4. Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp (2015), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Đá Bàn (2016), *Vì sao nhiều án dân sự khó thi hành, kéo dài*,

<http://www.thesaigontimes.vn>, (truy cập 15/6/2016).

6. Đình Duy Bằng (2012), “Những hạn chế khi tổ chức CQTHADS”, *Nghiên cứu lập pháp*, Văn phòng Quốc hội, tr. 44 - 46.
7. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49 - NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW*, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp (2013), *Thông tư hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê THADS*, Hà Nội
10. Bộ Tư pháp (2014), *Báo cáo tổng kết 04 năm thi hành Luật THADS 2008*, Hà Nội.
11. Bộ Tư pháp (2015), *Báo cáo kết quả công tác THADS năm 2015 và nhiệm kỳ 2011 - 2015, định hướng nhiệm kỳ 2016 - 2020*, Hà Nội.
12. Bộ Tư pháp (2015), *Báo cáo về tình hình, kết quả thi hành những vụ án lớn liên quan đến thu hồi tài sản cho Nhà nước phục vụ buổi làm việc của Chủ tịch nước*, Hà Nội.
13. Bộ Tư pháp (2015), *Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư*, Hà Nội.
14. Bộ Tư pháp (2016), *Thi hành án dân sự 70 năm xây dựng và trưởng thành*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
15. BTP-TANDTC-VKSNDTC (2010), *Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục THADS và phối hợp liên ngành trong THADS*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2004), *Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất*, Hà Nội.
17. Chính phủ (2006), *Nghị định hướng dẫn việc áp dụng Luật Phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt và tổ chức, hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản*, Hà

Nội.

18. Chính phủ (2009), *Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS về cơ quan quản lý THADS, CQTHADS và công chức làm công tác THADS*, Hà Nội.
19. Chính phủ (2011 -2015), *Báo cáo công tác THA*, Hà Nội.
20. Chính phủ (2013), *Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS về thủ tục THADS*, Hà Nội.
21. Chính phủ (2014), *Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2014), *Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS*, Hà Nội.
23. Chính phủ (2015), *Báo cáo tổng kết việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 của Quốc hội*, Hà Nội.
24. Lê Thị Duyên (2016), *Bàn về quan hệ phối hợp giữa cơ quan THA với các cơ quan hữu quan trong THADS*, <http://tcdcpl.moj.gov.vn>, (truy cập ngày 22/3/2016).
25. Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội.
26. Dương Công Hợp (2016), *Vì sao có nhiều vụ việc THADS bị tồn đọng?* <http://www.baoquangbinh.vn>, (truy cập ngày 15/5/2016).
27. Trần Thế Hùng (2013), “*Những bất cập sau 3 năm thực hiện luật THADS*”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (2), tr. 02-03.
28. Nguyễn Thanh Huy (2012), “*Quan niệm thế nào về việc THADS tồn đọng*”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (Chuyên đề), tr. 5-7.

29. Huỳnh Minh Khánh (2013), “Trao đổi về một số vướng mắc trong công tác THADS”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (1), tr.46-51.
30. Lê Thị Tuyết Minh (2012), “Một số giải pháp để giải quyết hiệu quả việc THADS tồn đọng”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (Chuyên đề), tr. 29-32.
31. Lê Quỳnh Nga (2014), *THADS - qua thực tiễn tại tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội.
32. Trương Thị Thanh Nhân (2014), *Những khó khăn trong công tác THADS nhìn từ góc độ xác minh điều kiện THA*, <http://vienkiemsathai phong.gov.vn>, (truy cập ngày 30/7/2015).
33. Hà Phong (2016), *Chất lượng THADS nhiều rào cản khó vượt*, <http://hanoimoi.com.vn>, (truy cập ngày 15/2/2016).
34. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
35. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Luật Đất đai*, Hà Nội.
36. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Bộ luật tổ tụng Dân sự*, Hà Nội.
37. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
38. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật nhà ở*, Hà Nội.
39. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật THADS*, Hà Nội.
40. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Nghị quyết về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
41. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Nghị quyết số*



33/2009/QH12 về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự, Hà Nội.

42. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
43. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS*, Hà Nội.
44. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
45. Đặng Đình Quyền (2012), *Hiệu quả áp dụng pháp luật trong THADS ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
46. Thái Sơn - Hoàng trang (2014), *Nhiều tiêu cực trong THADS*, <http://thanhnien.vn>, (truy cập ngày 22/9/2015).
47. Hoàng Sỹ Thành (2014), “Tổng kết thi hành Luật THADS 2008”, (Chuyên đề thực hiện Luật THADS năm 2008), tr. 01 - 19.
48. Lê Thị Hoàng Thanh (2013), “Đánh giá các quy định pháp luật về THADS hiện hành trong mối quan hệ với hệ thống pháp luật”, *Tạp chí dân chủ pháp luật*, (4), tr. 40 - 48.
49. Nguyễn Thanh Thủy (2014), “Quá trình xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS”, *Tạp chí dân chủ pháp luật*, (Chuyên đề thực hiện Luật THADS năm 2008), tr. 192-197.
50. Nguyễn Thanh Thủy, Lê Anh Tuấn (2012), “Những tác động tích cực, hạn chế và giải pháp nâng cao hiệu quả của Luật THADS 2008”, *Tạp chí dân chủ pháp luật*, (Chuyên đề thực hiện Luật THADS năm 2008), tr. 5-20.
51. Toà án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn các quy định trong phần thứ hai “thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm của Bộ luật Tố tụng dân sự”*.

52. Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết, kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội về hoạt động giám sát chuyên đề, hoạt động chất vấn từ đầu nhiệm kỳ khóa XIII đến năm 2015 của Tòa án nhân dân tối cao*, Hà Nội.
53. Tổng cục THADS (2012), *Báo cáo về công tác tài chính kế toán*, Hà Nội.
54. Tổng cục THADS (2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015, giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng công tác 2016 - 2020, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu năm 2016 của Tổng cục THADS*.
55. Tổng cục THADS, Vụ Kế hoạch Tài chính (2012), *Báo cáo về công tác tài chính kế toán phục vụ hội nghị tổng kết năm 2012*, Hà Nội.
56. Văn phòng Quốc hội (2013), *Thông báo về yêu cầu của Quốc hội đối với công tác của Ngành Tòa án*, Hà Nội.
57. Phan Đức Vũ (2013), “Một số bất cập sau ba năm thực hiện Luật THADS”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (1), tr. 22-25.
58. <http://tks.edu.vn/WebThongTinKhoaHoc/Detail/16?idMenu=79>, *Thư bàn về mấy vấn đề lý luận về THA*, (truy cập ngày 04/01/2016).